

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 và vốn kéo dài sang năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 32

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 4738/BTC-TH ngày 14/4/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chuyển tiếp quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án, kế hoạch đầu tư công trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; số 68/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 15/2025/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 bổ sung Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025

thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 19/NQ- HĐND ngày 28/3/2023 về bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024 về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số 22/NQ- HĐND ngày 04/4/2025 về việc điều chuyển vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương 5 năm giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 (đợt 1) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 23/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 và vốn kéo dài sang năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương năm 2025 và vốn kéo dài sang năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo các phụ lục 01, 02 đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính, DT&TG;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- KBNN Khu vực XI;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP, TX;
- Lưu VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
<i>I</i>	<i>2</i>		<i>3</i>			<i>6</i>		<i>7</i>
	TỔNG CỘNG		155.562,000	62.644,000	218.206,000	218.206,000	62.644,000	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		47.831,500	0,000	47.831,500	47.831,500	0,000	
1		Huyện Hướng Hóa	27.350,500		27.350,500	0,000		
*		Cấp xã				27.350,500		
-		Xã Hướng Lập				792,500		
-		Xã Tân Lập				2.167,500		
-		Xã Hướng Phùng				2.590,000		
-		Xã Khe Sanh				11.440,500		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 8.760,5 trđ
-		Xã Lao Bảo				520,000		
-		Xã Lìa				6.320,000		
-		Xã A Dơi				3.520,000		

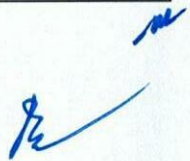
TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
2		Huyện Đakrông	13.290,000		13.290,000	40,000		Phòng DT&TG làm CĐT, đã quyết toán không điều chỉnh cho xã
*		Cấp xã				13.250,000		
-		Xã La Lay				2.760,000		
-		Xã Tà Rụt				2.730,000		
-		Xã Đakrông				5.480,000		
-		Xã Ba Lòng				0,000		
-		Xã Hướng Hiệp				2.280,000		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 80 trđ
3		Huyện Gio Linh	4.634,000		4.634,000	0,000		
*		Cấp xã				4.634,000		
-		Xã Cồn Tiên				4.634,000		
4		Huyện Vĩnh Linh	2.557,000		2.557,000	0,000		
*		Cấp xã				2.557,000		
-		Xã Bến Quan				743,000		
*		Xã Vĩnh Linh				1.814,000		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 1.814 trđ

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết		20.908,000	742,000	21.650,000	21.650,000	742,000	
1		Huyện Hướng Hóa	13.197,000		13.197,000	0,000		
*		Xã Khe Sanh				13.197,000		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 13.197 trđ
2		Huyện Đakrông	7.119,000	742,000	7.861,000			
*		Xã Hướng Hiệp				7.861,000	742,000	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 7.861 trđ
3		Huyện Vĩnh Linh	592,000		592,000			
*		Xã Vĩnh Linh				592,000		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 592 trđ
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc		51.427,500	44.874,000	96.301,500	96.301,500	44.874,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		51.427,500	44.874,000	96.301,500	96.301,500	44.874,000	
1.1		Huyện Hướng Hóa	28.039,500	18.911,000	46.950,500			
*		Cấp xã				46.950,500	18.911,000	
-		Xã A Dơi				6.092,000	1.182,000	
-		Xã Hướng Lập				4.351,524	550,000	
-		Xã Hướng Phùng				4.893,025	1.680,025	
-		Xã Tân Lập				2.871,000	564,000	
-		Xã Khe Sanh				18.959,951	10.756,975	Trong đó: phân bố đợt 2 cho Ban QLDA, PTQĐ và CCN 6.471,056 trđ, sau bổ sung là 12.400,428 trđ
-		Xã Lao Bảo				256,000		
-		Xã Lìa				9.527,000	4.178,000	
1.2		Huyện Đakrông	20.038,000	23.864,000	43.902,000			
*		Cấp xã				43.902,000	23.864,000	
-		Xã La Lay				2.100,000		
-		Xã Tà Rụt				1.830,000		

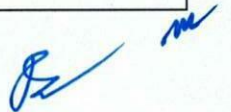
TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bổ năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bổ năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
-		Xã Đakrông				2.966,863	613,200	
-		Xã Hướng Hiệp				37.005,137	23.250,800	Trong đó: phân bổ đợt 2 cho Ban QLDA, PTQĐ và CCN 23.250,800 trđ, sau bổ sung là 34.061,006 trđ
1.3		Huyện Gio Linh	521,000	445,000	966,000			
*		Cấp xã				966,000	445,000	
-		Xã Cồn Tiên				966,000	445,000	
1.4		Huyện Vĩnh Linh	2.829,000	597,000	3.426,000			
*		Cấp xã				3.426,000	597,000	
-		Xã Bến Quan				3.426,000	597,000	
1.5		Huyện Cam Lộ		1.057,000	1.057,000			
*		Cấp xã				1.057,000	1.057,000	
-		UBND Hiếu Giang				1.057,000	1.057,000	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		35.395,000	0,000	35.395,000	35.395,000	0,000	
1		Huyện Hướng Hóa	17.997,000		17.997,000			
*		Cấp Xã				17.997,000		

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
-		Xã A Dơi				39,919		
-		Xã Hướng Lập				1.900,000		
-		Xã Hướng Phùng				6.150,000		
-		Xã Tân Lập				1.400,000		
-		Xã Khe Sanh				5.604,181		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 2.754,181 trđ
-		Xã Lìa				2.902,900		
2		Huyện Đakrông	17.398,000		17.398,000	0,000		
*		Cấp xã				17.398,000		
-		Xã La Lay				2.079,493		
-		Xã Tà Rụt				1.795,560		
-		Xã Đakrông				5.111,873		
-		Xã Ba Lòng				135,282		
-		Xã Hướng Hiệp				8.275,792		Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 6.208 trđ



TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình		-	17.028,000	17.028,000	17.028,000	17.028,000	
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		-	17.028,000	17.028,000	17.028,000	17.028,000	
1.1		Huyện Hướng Hóa		2.545,00	2.545,000	0,000		
*		Cấp xã				2.545,000	2.545,000	
-		Xã Hướng Phùng				636,250	636,250	
-		Xã Hướng Lập				636,250	636,250	
-		Xã Lìa				636,250	636,250	
-		Xã A Dơi				636,250	636,250	
1.2		Huyện Đakrông		2.018,00	2.018,000	0,000		
*		Cấp xã				2.018,000	2.018,000	
-		Xã Ba Lòng				403,000	403,000	
-		Xã Hướng Hiệp				403,000	403,000	
-		Xã Đakrông				403,000	403,000	
-		Xã Tà Rụt				403,000	403,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (tại NQ số 105/NQ- HĐND ngày 06/12/2024, NQ số 22/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh)	Bổ sung kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ- TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau điều chỉnh	Kế hoạch bố trí năm 2025 sau sắp xếp ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025		Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Kế hoạch phân bố năm 2025 (đợt 2) theo QĐ số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025 của TTCP	
-		Xã La Lay				406,000	406,000	
-		Huyện Gio Linh		170,00	170,000	0,000		
*		Cấp xã				170,000	170,000	
-		Xã Cồn Tiên				170,000	170,000	
1.4		Huyện Vĩnh Linh		509,00	509,000	0,000		
*		Cấp xã				509,000	509,000	
-		Xã Bến Quan				509,000	509,000	
1.5		Sở Dân tộc và Tôn giáo		11.786,000	11.786,000	11.786,000	11.786,000	
-	Dự án Chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong triển khai thực hiện CTMTQG DTTS&MN tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025			11.786,00	11.786,000	11.786,000	11.786,000	



Phụ lục 02

**ĐIỀU CHỈNH CHỦ ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG KÉO DÀI SANG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
1	2			3	6	7
	TỔNG CỘNG			58.102,551	58.102,551	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			23.006,040	23.006,040	
1		Huyện Hướng Hóa		15.644,392	0,000	
*			Cấp xã		15.644,392	
-			Xã A Dơi		1.720,000	
-			Xã Hướng Lập		1.127,500	
-			Xã Hướng Phùng		890,000	
-			Xã Tân Lập		952,500	
-			Xã Khe Sanh		6.674,983	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 4.650,983 trđ
-			Xã Lao Bảo		280,000	
-			Xã Lìa		3.999,409	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
2		Huyện Đakrông		7.087,463	480,000	Phòng DT&TG làm CĐT, đã quyết toán
*			Cấp xã		6.607,463	
-			Xã La Lay		612,000	
-			Xã Tà Rụt		2.103,463	
-			Xã Đakrông		1.032,000	
-			Xã Hướng Hiệp		2.700,000	
-			Xã Ba Lòng		160,000	
3		Huyện Gio Linh		20,000	0,000	
*			Cấp xã		20,000	
-			Xã Cồn Tiên		20,000	
4		Huyện Vĩnh Linh		254,185	0,000	
*			Cấp xã		254,185	
-			Xã Vĩnh Linh		254,185	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 254,185 trđ
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết			13.888,330	13.888,330	
1		Huyện Hướng Hóa		11.097,656	0,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
*			Cấp xã		11.097,656	
-			Xã Khe Sanh		11.097,656	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 11.097,656 trđ
2		Huyện Đakrông		2.790,674	0,000	
*			Cấp xã		2.790,674	
-			Xã Hướng Hiệp		2.790,674	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 2.790,674 trđ
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc			10.339,015	10.339,015	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			10.339,015	10.339,015	
1.1		Huyện Hướng Hóa		8.025,343	0,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
*			Cấp xã		8.025,343	
-			Xã A Dơi		2.351,194	
-			Xã Hướng Lập		2.660,402	
-			Xã Hướng Phùng		1.216,636	
-			Xã Tân Lập		169,697	
-			Xã Khe Sanh		1.011,926	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 225,631 trđ
-			Xã Lao Bảo		9,023	
-			Xã Lìa		606,465	
2		Huyện Đakrông		1.597,556	0,000	
*			Cấp xã		1.597,556	
-			Xã La Lay		154,590	
-			Xã Tà Rụt		134,040	
-			Xã Đakrông		487,950	
-			Xã Hướng Hiệp		820,977	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 221,542 trđ
3		Huyện Vĩnh Linh		260,040	0,000	
*			Cấp xã		260,040	
-			Xã Bến Quan			
4		Huyện Gio Linh		456,075	0,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
*			Cấp xã		456,075	
-			Xã Cồn Tiên		456,075	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			6.290,911	6.290,911	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.			6.290,911	6.290,911	
1.1		Huyện Hướng Hóa		3.789,176	0,000	
			Cấp xã		3.789,176	
*			Xã Khe Sanh		3.789,176	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 3.789,176 trđ
1.2		Huyện Đakrông		2.159,705	0,000	
			Cấp xã		2.159,705	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
*			Xã Hướng Hiệp		2.159,705	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 2.159,705 trđ
1.3		Huyện Vĩnh Linh		342,030	0,000	
			Cấp xã		342,030	
*			Xã Vĩnh Linh		342,030	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 342,030 trđ
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			4.158,255	4.158,255	
1		Huyện Hướng Hóa		2.324,186	0,000	
*			Cấp Xã		2.324,186	
-			Xã A Dơi		1.105,583	
-			Xã Hướng Lập		31,348	
-			Xã Hướng Phùng		37,152	
-			Xã Tân Lập		0,000	
-			Xã Khe Sanh		1.029,911	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 50,59 trđ

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
-			Xã Lao Bảo		23,052	
-			Xã Lìa		97,140	
2		Huyện Đakrông		1.832,164	0,000	
*			Cấp xã		1.832,164	
-			Xã La Lay		45,598	
-			Xã Tà Rụt		41,584	
-			Xã Đakrông		23,829	
-			Xã Ba Lòng		9,504	
-			Xã Hướng Hiệp		1.711,649	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 1.664,14 trđ
3		Huyện Gio Linh		1,906	0,000	
*			Cấp xã		1,906	
-			Xã Cồn Tiên		1,906	
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình			420,000	420,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			420,000	420,000	
-		Ban Dân tộc (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo)	Ban Dân tộc (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo)	420,000	420,000	



Phụ lục 02

**ĐIỀU CHỈNH CHỦ ĐẦU TƯ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG KÉO DÀI SANG NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
1	2			3	6	7
	TỔNG CỘNG			58.102,551	58.102,551	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			23.006,040	23.006,040	
1		Huyện Hướng Hóa		15.644,392	0,000	
*			Cấp xã		15.644,392	
-			Xã A Dơi		1.720,000	
-			Xã Hướng Lập		1.127,500	
-			Xã Hướng Phùng		890,000	
-			Xã Tân Lập		952,500	
-			Xã Khe Sanh		6.674,983	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 4.650,983 trđ
-			Xã Lao Bảo		280,000	
-			Xã Lìa		3.999,409	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
2		Huyện Đakrông		7.087,463	480,000	Phòng DT&TG làm CĐT, đã quyết toán
*			Cấp xã		6.607,463	
-			Xã La Lay		612,000	
-			Xã Tà Rụt		2.103,463	
-			Xã Đakrông		1.032,000	
-			Xã Hướng Hiệp		2.700,000	
-			Xã Ba Lòng		160,000	
3		Huyện Gio Linh		20,000	0,000	
*			Cấp xã		20,000	
-			Xã Cồn Tiên		20,000	
4		Huyện Vĩnh Linh		254,185	0,000	
*			Cấp xã		254,185	
-			Xã Vĩnh Linh		254,185	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 254,185 trđ
II	Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư những nơi cần thiết			13.888,330	13.888,330	
1		Huyện Hướng Hóa		11.097,656	0,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
*			Cấp xã		11.097,656	
-			Xã Khe Sanh		11.097,656	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 11.097,656 trđ
2		Huyện Đakrông		2.790,674	0,000	
*			Cấp xã		2.790,674	
-			Xã Hướng Hiệp		2.790,674	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 2.790,674 trđ
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các đơn vị sự nghịệp công lĩnh vực dân tộc			10.339,015	10.339,015	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			10.339,015	10.339,015	
1.1		Huyện Hướng Hóa		8.025,343	0,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
*			Cấp xã		8.025,343	
-			Xã A Dơi		2.351,194	
-			Xã Hướng Lập		2.660,402	
-			Xã Hướng Phùng		1.216,636	
-			Xã Tân Lập		169,697	
-			Xã Khe Sanh		1.011,926	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 225,631 trđ
-			Xã Lao Bảo		9,023	
-			Xã Lìa		606,465	
2		Huyện Đakrông		1.597,556	0,000	
*			Cấp xã		1.597,556	
-			Xã La Lay		154,590	
-			Xã Tà Rụt		134,040	
-			Xã Đakrông		487,950	
-			Xã Hướng Hiệp		820,977	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 221,542 trđ
3		Huyện Vĩnh Linh		260,040	0,000	
*			Cấp xã		260,040	
-			Xã Bến Quan			
4		Huyện Gio Linh		456,075	0,000	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
*			Cấp xã		456,075	
-			Xã Cồn Tiên		456,075	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			6.290,911	6.290,911	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.			6.290,911	6.290,911	
1.1		Huyện Hướng Hóa		3.789,176	0,000	
			Cấp xã		3.789,176	
*			Xã Khe Sanh		3.789,176	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 3.789,176 trđ
1.2		Huyện Đakrông		2.159,705	0,000	
			Cấp xã		2.159,705	

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
*			Xã Hướng Hiệp		2.159,705	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 2.159,705 trđ
1.3		Huyện Vĩnh Linh		342,030	0,000	
			Cấp xã		342,030	
*			Xã Vĩnh Linh		342,030	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN, DL 342,030 trđ
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			4.158,255	4.158,255	
1		Huyện Hướng Hóa		2.324,186	0,000	
*			Cấp Xã		2.324,186	
-			Xã A Dơi		1.105,583	
-			Xã Hướng Lập		31,348	
-			Xã Hướng Phùng		37,152	
-			Xã Tân Lập		0,000	
-			Xã Khe Sanh		1.029,911	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 50,59 trđ

TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
-			Xã Lao Bảo		23,052	
-			Xã Lìa		97,140	
2		Huyện Đakrông		1.832,164	0,000	
*			Cấp xã		1.832,164	
-			Xã La Lay		45,598	
-			Xã Tà Rụt		41,584	
-			Xã Đakrông		23,829	
-			Xã Ba Lòng		9,504	
-			Xã Hướng Hiệp		1.711,649	Trong đó: Ban QLDA, PTQĐ và CCN 1.664,14 trđ
3		Huyện Gio Linh		1,906	0,000	
*			Cấp xã		1,906	
-			Xã Cồn Tiên		1,906	
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các Chương trình			420,000	420,000	



TT	Danh mục DA/TDA	Đơn vị/ Địa phương	ĐVHC cấp xã mới theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2025 đối với ĐVHC cấp xã theo NQ số 1680/NQ- UBTVQH15 ngày 16/6/2025	Ghi chú
1	Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			420,000	420,000	
-		Ban Dân tộc (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo)	Ban Dân tộc (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo)	420,000	420,000	

